Phụ lục VIc

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU THẦU THUỐC NĂM

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BV ngày /10/2026 của Bệnh viện QDYMĐ)

A. Kết quả đấu thầu

TT	Nội dung	Hình thức LCNT (*)					Tổng
		Đấu thầu rộng rãi	Chào hàng cạnh tranh	Mua sắm trực tiếp	Chỉ định thầu	Hình thức khác	
1	Số gói thầu	4			1		5
2	Số khoản đấu thầu	1,540			4		1,544
3	Số nhà thầu dự thầu	310			1		311
4	Số nhà thầu trúng thầu	269			1		270
5	Số khoản trúng thầu	1,373			4		1,377
6	Số khoản không mua được	167			0		191
7	Giá trị trúng thầu	275,089,591,700			49,417,700		275,139,009,400
8	Giá trị không mua được	37,044,236,600			0		37,044,236,600

(*) Ghi chú: Bệnh viện chỉ báo cáo hình thức LCNT được thực hiện.

B. Mặt hàng có nhu cầu nhưng không mua sắm được

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (tạm tính)	Giá trị (tạm tính)	Ghi chú
1	Atropin sulfat	Ống	3,000	450	1,350,000	
2	Dexmedetomidin	Ống	500	25,000	12,500,000	
3	Diazepam	Ống	5,000	5,250	26,250,000	
4	Lidocain + Prilocain	Tuýp	1,000	36,500	36,500,000	
5	Lidocain + Prilocain	Tuýp	500	80,000	40,000,000	
6	Midazolam	Ống	5,000	25,238	126,190,000	
7	Pipecuronium bromid	Lọ	1,000	58,000	58,000,000	
8	Rocuronium bromid	Ống	1,000	43,500	43,500,000	
9	Suxamethonium clorid	Ống	1,000	24,000	24,000,000	
10	Aceclofenac	Viên	100,000	6,990	699,000,000	
11	Aescin	Viên	50,000	7,600	380,000,000	
12	Fentanyl	Miếng	500	154,500	77,250,000	
13	Ketoprofen	ống	1,000	38,000	38,000,000	
14	Morphin	Ống	5,000	6,993	34,965,000	
15	Paracetamol + ibuprofen	Viên	100,000	5,900	590,000,000	
16	Pethidin	Ống	5,000	20,000	100,000,000	
17	Colchicin	Viên	100,000	300	30,000,000	
18	Zoledronic acid	Chai	50	6,500,000	325,000,000	
	Tổng: 18 khoản				**2,642,505,000**	

** Ghi chú: Bệnh viện ghi rõ từng mặt hàng trong năm có nhu cầu tạo nguồn nhưng không mua sắm được bằng tất cả các hình thức mua sắm*

Phụ lục VIc

BÁO CÁO CƠ CẤU VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG THUỐC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BV ngày /10/2026 của Bệnh viện QDYMĐ)

(ĐVT: 1.000 đồng)

TT	Nội dung	Đối tượng BHYT				Đối tượng DVYT				TỔNG	
		Ngoại trú		Nội trú		Ngoại trú		Nội trú			
		2025	9 tháng đầu năm 2026	2025	9 tháng đầu năm 2026	2025	9 tháng đầu năm 2026	2025	9 tháng đầu năm 2026	2025	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng tiền thuốc đã sử dụng	71,021,226	55,788,256	10,758,491	5,829,411	16,200,681	11,210,690	1,596,240	495,443	99,576,638	73,323,800
2	Tiền thuốc sản xuất trong nước	50,899,272	33,917,603	5,392,553	3,098,916	9,902,419	5,449,397	1,071,053	359,037	67,265,297	42,824,953
3	Tiền thuốc nhập khẩu	10,212,954	21,870,653	5,365,938	2,730,495	6,298,262	5,761,293	528,187	136,406	22,405,341	30,498,847
4	Tiền thuốc kháng sinh	6,731,844	3,771,971	3,347,417	2,162,567	415,477	392,592	21,398	122,059	10,516,136	6,449,189
5	Tiền thuốc ung thư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Tiền thuốc dịch truyền	-	-	1,353,528	168,114		-	20,109	-	1,373,637	168,114
7	Tiền thuốc corticoid	160,869	218,433	103,828	55,508	27,945	55,508	12,054	3,232	304,696	332,681
8	Tiền thuốc hỗ trợ điều trị, vitamin, khoáng chất	2,937,265	2,454,218	333,604	185,463	1,415,723	1,400,769	-	6,378	4,686,592	4,046,828
9	Tiền thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	3,770,880	2,250,120	63,703	169,930	-	-	780	-	3,835,363	2,420,050
10	Tiền thuốc tự pha chế, sản xuất	-		-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trung bình tiền đơn thuốc ngoại trú	236	254	-	-	284	301	-	-	520	555
12	Trung bình tiền thuốc/ngày điều trị nội trú	-	-	119	163	-		15	16	134	179

Phụ lục VIc

BÁO CÁO THUỐC GÂY NGHIỆN, THUỐC HƯỚNG TÂM THẦN VÀ THUỐC TIỀN CHẤT

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BV ngày /10/2026 của Bệnh viện QDYMĐ)

TT	DANH MỤC	ĐVT	Kỳ báo cáo từ 1.2026 đến 9.2026					Ghi chú
			Số lượng tồn kho năm 2025	Số lượng nhập 09 tháng đầu năm, năm 2026	Tổng số lượn	Xuất sử dụng 9 tháng đầu năm, năm 2026	Tồn kho đến đến ngày 30.9.2026	
1	Morphin (hydroclorid, sulfat	Ống	343		343	175	168	
2	Ephedrin (hydroclorid)	Ống	145	100	245	65	180	
3	Seduxen	Viên	1,968	2,000	3,968	652	3,316	
4	Diazepam	Ống	478	600	1,078	248	830	
5	Tramadol	Ống	266	200	466	185	281	
6	Fentanyl	Ống	722	-	722	322	400	
7	Pethidine hydrochlorid	Ống	-	-	-		-	
Tổng tiền			**37,633,951**	**13,433,000**	**51,066,951**	**15,944,783**	**35,122,168**	